

Số: 34/2025/QĐST-DS

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như G - chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ. Ông G uỷ quyền lại cho ông Hà Văn T, sinh năm 1993 - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng C, trung tâm thương mại T2, số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa, theo văn bản uỷ quyền ngày 01/7/2025.

+ Công ty Cổ phần M2; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B Phố T, phường Y, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 - chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Huy M – chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ. Ông M uỷ quyền lại cho bà Ngo Thị N, sinh năm 1995 - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C, trung tâm thương mại T2, số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa, theo văn bản uỷ quyền ngày 01/7/2025.

- *Bị đơn*: Anh [Lê Văn S](#), sinh năm 1992 và chị [Vy Thị Trà M1](#), sinh năm 2001; địa chỉ: [Thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa](#).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. [Ngân hàng TMCP V](#); [Công ty cổ phần M2](#) và anh [Lê Văn S](#), chị [Vy Thị Trà M1](#) có ký các hợp đồng cho vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2301038034439, ký ngày 04/01/2023, và Khế ước nhận nợ kèm theo ngày 04/01/2023, số tiền vay: 2.450.000.000 đồng;

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2308160015836 ký ngày 25/08/2023, số tiền vay: 232.000.000 đồng;

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ và [ngân hàng Đ](#) ngày 11/01/2023 kèm theo phụ lục 02 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, số tiền vay: 300.000.000 đồng;

- Giấy đề nghị vay vốn có TSDB, kèm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ và [ngân hàng Đ](#) ngày 03/01/2023, số tiền vay: 100.000.000 đồng;

2.2. *Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm*: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 14; Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2007, diện tích 4642m², địa chỉ thửa đất: [Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa \(Nay là thôn Q, xã C, tỉnh Thanh Hóa\)](#), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH114789, Sổ vào sổ cấp GCN: CS: 03171 do [Sở T3](#) cấp ngày 23/12/2022.

2.3. *Về số tiền nợ*: Tính đến ngày 2,1/8/2025, anh [Lê Văn S](#), chị [Vy Thị Trà M1](#) còn nợ [Ngân hàng TMCP V](#) và [Công ty cổ phần M2](#) tổng số tiền gốc và lãi là 4.600.125.320 đồng. Trong đó: nợ gốc: 3.082.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.518.125.320 đồng.

Cụ thể như sau:

- Nợ [Công ty cổ phần M2](#): Tổng số tiền gốc và lãi là: 4.157.889.952 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.783.293.014 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.374.596.938 đồng.

- Nợ [Ngân hàng TMCP V](#): Tổng số tiền gốc và lãi là: 442.235.368 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 298.706.986 đồng; nợ lãi: 143.528.382 đồng.

2.4. *Về thời gian và phương thức thanh toán*: Chậm nhất vào ngày 20/9/2025 anh [Lê Văn S](#), chị [Vy Thị Trà M1](#) phải thanh toán xong khoản nợ trên cho [Ngân hàng TMCP V](#) và [Công ty cổ phần M2](#) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/8/2025 cho đến khi trả nợ xong toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng ký kết giữa các bên cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ gốc cho nguyên đơn.

Nếu đến hạn, anh [Lê Văn S](#), chị [Vy Thị Trà M1](#) không trả đúng và đủ số tiền còn nợ, [Ngân hàng TMCP V](#) và [Công ty cổ phần M2](#) có quyền yêu cầu Cơ quan

có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp LN2301038034439, ký ngày 04/01/2023 tại [văn phòng C](#) đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 14; Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2007, diện tích 4642m², địa chỉ thửa đất: [Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa \(Nay là thôn Q, xã C, tỉnh Thanh Hóa\)](#), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH114789, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 03171 do [Sở T3](#) cấp ngày 23/12/2022 cho ông [Lê Văn S](#), bà [Vy Thị Trà M1](#).

2.5. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh [Lê Văn S](#), chị [Vy Thị Trà M1](#) về việc nhận nộp toàn bộ án phí DSST. Anh [Lê Văn S](#), chị [Vy Thị Trà M1](#) phải nộp **56.300.063** đồng (*Năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng*) án phí DSST.

Trả lại cho [Ngân hàng TMCP V](#) và [Công ty cổ phần M2](#) số tiền nộp tạm ứng đã nộp là 56.285.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000203, ngày 08/8/2025, tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực [A - Thanh Hóa](#).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 12;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN TRỌNG SƠN